

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp-Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Chung	Chủ tịch	6/7/2024	5/16/2025
Ông Kiều Phương	Chủ tịch	5/16/2025	
Ông Trần Anh Tú	Thành viên	6/7/2024	5/16/2025
Ông Phạm Văn Thắng	Thành viên	7/9/2020	5/16/2025
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Thành viên	5/16/2025	
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên	6/7/2024	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	7/20/2021	

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Tiến Thịnh	Tổng giám đốc	3/10/2021	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Tiến Thịnh.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn IFA được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả cho mục đích lập Báo cáo tài chính thích hợp nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán được trình bày trong Thuyết minh của Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,



Phạm Tiến Thịnh

Tổng Giám đốc

Tỉnh Tây Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Số: 1850.2.25/2025/BCKT-IFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp-Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, được lập ngày 15 tháng 09 năm 2025, từ trang 5 đến trang 23 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp-Việt sau ngày kết thúc niên độ, nên chúng tôi đã không thể chứng kiến kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm 2024. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không đảm bảo số lượng và tình trạng hàng tồn kho tại thời điểm nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các chỉ tiêu này trên Bảng cân đối kế toán, cũng như các chỉ tiêu liên quan trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Kiểm toán viên đã thực hiện các thủ tục cần thiết để xác định số dư của các khoản công nợ phải trả người bán nhưng do tính lũy kế của số liệu nên kiểm toán viên không thể xác định chính xác số dư tại ngày 31/12/2023 là 13.107.165.795 VND và tại ngày 31/12/2024 là 13.274.836.031 VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có thực hiện các điều chỉnh cần thiết hay không.

Như được trình bày tại mục V.8 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty tạm dừng hoạt động sản xuất để nghiệm thu công trình Nhà máy sản xuất Sorbitol công suất 30.000 tấn/năm từ cuối năm 2019. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 Công ty tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay phát sinh là 201.396.191.881 đồng. Nếu việc vốn hóa chi phí lãi vay này tạm dừng theo quy định của Chuẩn mực kế toán thì giá trị của dự án đầu tư và khoản mục lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp-Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số IV.18 của Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 390.283.370.774 đồng, đồng thời một số khoản nợ của Công ty đã quá hạn thanh toán, những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn IFA



Hồ Nam Đồng - Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2657-2023-342-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Huỳnh Phước Hậu - Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3227-2025-342-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP- VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.805.660.349	19.455.431.987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	190.116.470	5.952.990
Tiền	111		190.116.470	5.952.990
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.440.903.349	9.787.299.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	216.401.961	255.813.891
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.581.949.674	8.801.796.891
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	642.551.714	729.688.715
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	2.436.754.069	4.744.137.317
Hàng tồn kho	141		2.436.754.069	4.744.137.317
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.737.886.461	4.918.042.183
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.1	-	20.036.352
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.737.886.461	4.898.005.831
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		829.662.658.411	773.292.399.205
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.597.017.821	27.019.074.365
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.597.017.821	27.019.074.365
Nguyên giá	222		30.084.914.455	30.876.041.728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.487.896.634)	(3.856.967.363)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		787.223.499.011	729.025.593.594
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	787.223.499.011	729.025.593.594
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.842.141.579	17.247.731.246
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.2	16.842.141.579	17.247.731.246
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		839.468.318.760	792.747.831.192

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP- VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		787.342.151.953	737.111.972.120
I. Nợ ngắn hạn	310		400.089.031.123	341.358.851.290
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	26.846.137.260	26.551.330.462
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	11.693.064.552	11.679.589.552
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	4.771.120	4.771.120
4. Phải trả người lao động	314		4.866.157.134	4.605.234.059
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	289.518.217.275	239.068.504.249
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.1	7.420.340.478	7.428.297.865
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1	59.740.343.304	52.021.123.983
II. Nợ dài hạn	330		387.253.120.830	395.753.120.830
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13.2	142.000.000.000	142.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2	245.253.120.830	253.753.120.830
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.126.166.807	55.635.859.072
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	52.126.166.807	55.635.859.072
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	165.042.063.000	165.042.063.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	(112.915.896.193)	(109.406.203.928)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		(109.406.203.928)	(95.708.662.742)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(3.509.692.265)	(13.697.541.186)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		839.468.318.760	792.747.831.192

Tỉnh Tây Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phạm Minh Trường
Người lập biểu/ Kế toán trưởngPhạm Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mẫu B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.017.092.977	6.177.165.546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.112.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.017.092.977	4.065.165.546
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.457.591.330	1.686.898.004
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(440.498.353)	2.378.267.542
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.469	123.142
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	436.442.344	2.056.965.187
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	VI.4	436.442.344	2.056.965.187
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	-	221.683.307
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	725.023.167	7.045.325.261
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.601.955.395)	(6.945.583.071)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	285.465.818	583.353.840
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.193.202.688	7.335.311.955
13. Lợi nhuận khác	40		(1.907.736.870)	(6.751.958.115)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.509.692.265)	(13.697.541.186)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.509.692.265)	(13.697.541.186)

Tỉnh Tây Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phạm Minh Trường
Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.327.409.256	10.634.442.188
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.894.672.108)	(4.083.661.058)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(282.803.618)	(2.085.509.288)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(171.611.429)	(1.096.002.636)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		265.202.147	733.123.693
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(225.467.721)	(1.059.062.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.018.056.527	3.043.329.975
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		257.272.727	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		257.272.727	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	384.661.698	1.658.858.084
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(1.475.827.472)	(4.716.945.523)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.091.165.774)	(3.058.087.439)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		184.163.480	(14.757.464)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.952.990	20.710.454
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	190.116.470	5.952.990

Tỉnh Tây Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Phạm Minh Trường
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Phạm Tiến Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp-Việt ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900914957 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 03 năm 2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5088584727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2011 và thay đổi lần thứ 06 ngày 24 tháng 06 năm 2016.
Vốn điều lệ: 165.042.063.000 VND.

Nhà đầu tư	Quốc tịch	31/12/2024		01/01/2024	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Hòa chất VN		71.261.030.000	43,18%	71.261.030.000	43,18%
Công ty CP Mía Đường Thành		31.579.200.000	19,13%	31.579.200.000	19,13%
Thành Công Tây Ninh					
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh		19.233.333.000	11,65%	19.233.333.000	11,65%
Công ty TNHH MTV 30-4 Tây Ninh		19.233.333.000	11,65%	19.233.333.000	11,65%
Các cổ đông khác		23.735.167.000	14,38%	23.735.167.000	14,38%
Cộng		165.042.063.000	100,00%	165.042.063.000	100,00%

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Mã số thuế: 3900914957

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5 người (tại ngày 31/12/2023 là 33 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột, phụ gia thực phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2018/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập trên nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán được tuân thủ nhất quán tại Công ty.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB) (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB) (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các Báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Các khoản phải thu được phân loại thành ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo thời hạn thanh toán còn lại của khoản phải thu tại ngày Báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc chu kỳ kinh doanh của Công ty.

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Loại tài sản

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh phải đảm bảo không một bên góp vốn liên doanh nào có quyền đơn phương kiểm soát các hoạt động của liên doanh của mình. Thỏa thuận trong hợp đồng cũng nêu rõ các quyết định mang tính trọng yếu để đạt được mục đích hoạt động của liên doanh, các quyết định này đòi hỏi sự thống nhất của tất cả các bên góp vốn liên doanh hoặc đa số những người có ảnh hưởng lớn trong các bên góp vốn liên doanh.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể chỉ định rõ một trong các bên góp vốn liên doanh đảm nhiệm việc điều hành hoặc quản lý liên doanh. Bên điều hành liên doanh không kiểm soát liên doanh, mà thực hiện đúng những chính sách tài chính và hoạt động đã được các bên nhất trí trên hợp đồng và ủy nhiệm cho bên điều hành. Nếu bên điều hành liên doanh có toàn quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của hoạt động kinh tế thì bên đó là người kiểm soát và khi đó không tồn tại liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các thiết bị, công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá. Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả được phân loại thành ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo thời hạn thanh toán còn lại của khoản phải trả tại ngày Báo cáo.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở lợi tức mà tài sản đem lại.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hay lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ những khoản được ghi nhận là nguồn vốn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực trong kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

17. Bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều trung gian kiểm soát hoặc kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của một công ty, bao gồm công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết. Các tổ chức và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp có quyền biểu quyết ảnh hưởng quan trọng trong việc kinh doanh của Công ty, các cá nhân tham gia điều hành Công ty cấp cao bao gồm các giám đốc và các nhân viên trong Công ty cũng như người thân của các cá nhân này cùng các công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Việc xác định các mối quan hệ với các bên liên quan phụ thuộc trực tiếp đến bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

18. Khả năng hoạt động liên tục trong 12 tháng tới kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 390.283.370.774 đồng, đồng thời một số khoản nợ của Công ty đã quá hạn thanh toán. Hiện tại Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc, Ban lãnh đạo Công ty khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi ngân hàng	190.116.470	5.952.990
- Tiền gửi ngân hàng VND	190.116.470	5.952.990
Cộng	190.116.470	5.952.990

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu bên thứ ba	216.401.961	-	255.813.891	-
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	93.074.300	-	93.074.300	-
Công ty TNHH Kiến Vượng	-	-	3.826.960	-
Công ty Cổ phần Khí hóa Công nghiệp Tây Ninh	106.713.641	-	106.713.641	-
Công ty TNHH Chế biến Hải sản Thiên Ấn	-	-	52.197.140	-
Các khách hàng khác	16.614.020	-	1.850	-
Cộng	216.401.961	-	255.813.891	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Trả trước người bán là bên liên quan	1.274.156.294	509.170.476
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	1.274.156.294	509.170.476
Trả trước người bán là bên thứ ba	307.793.380	8.292.626.415
Công ty TNHH Intertek Việt Nam	54.843.250	54.843.250
Novasep Process Sas (Novasep)	-	8.013.023.306
Công ty Cổ phần Techem Việt Nam	49.132.000	49.132.000
Các nhà cung cấp khác	203.818.130	175.627.859
Cộng	1.581.949.674	8.801.796.891

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu khác bên thứ ba	642.551.714	-	729.688.715	-
Tạm ứng	32.925.000	-	137.062.001	-
Các khoản khác	609.626.714	-	592.626.714	-
Cộng	642.551.714	-	729.688.715	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	636.548.777	-	3.164.295.661	-
Công cụ, dụng cụ	1.668.029.356	-	1.447.665.720	-
Thành phẩm	132.175.936	-	132.175.936	-
Cộng	2.436.754.069	-	4.744.137.317	-

6. Chi phí trả trước

6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, thiết bị	-	20.036.352
Cộng	-	20.036.352

6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền thuê đất (i)	13.241.145.584	13.608.945.584
Chi phí đào tạo	3.600.995.995	3.600.995.995
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	37.789.667
Cộng	16.842.141.579	17.247.731.246

(i) Công ty thuê đất tại Cụm Công Nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh nay là Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Thời hạn thuê từ ngày 15/12/2011 đến ngày 26/12/2060, Tổng số tiền thuê đất là 18.037.971.000 đồng (chưa VAT). Quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng SHB - Chi nhánh Hoàn Kiếm (trước đây là chi nhánh Thanh Quan) theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTCTL-PN/SHB.TQ ngày 08/02/2014.

7. Tình hình tăng giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền đẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.441.130.909	149.627.000	2.176.920.183	108.363.636	-	30.876.041.728
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(791.127.273)	-	-	(791.127.273)
Số cuối năm	28.441.130.909	149.627.000	1.385.792.910	108.363.636	-	30.084.914.455
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.422.056.544	149.627.000	2.176.920.183	108.363.636	-	3.856.967.363
Khấu hao trong năm	1.422.056.544	-	-	-	-	1.422.056.544
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(791.127.273)	-	-	(791.127.273)
Số cuối năm	2.844.113.088	149.627.000	1.385.792.910	108.363.636	-	4.487.896.634
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	27.019.074.365	-	-	-	-	27.019.074.365
Số cuối năm	25.597.017.821	-	-	-	-	25.597.017.821

Trong đó: tổng nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn giá trị sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.643.783.546 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định đem đi thế chấp cho khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 30.084.914.455 đồng và 25.597.017.821 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2024	01/01/2024
Xây dựng nhà máy sản xuất Sorbitol	787.223.499.011	729.025.593.594
- Chi phí xây dựng nhà xưởng	3.381.888.270	3.381.888.270
- Chi phí thiết bị	277.627.510.054	277.627.510.054
- Chi phí lãi vay vốn hóa (*)	354.290.184.692	304.105.302.581
- Chi phí khác	151.923.915.995	143.910.892.689
Cộng	787.223.499.011	729.025.593.594

Toàn bộ giá trị tài sản xây dựng cơ bản đang thể chấp cho các khoản vay và bảo lãnh tại Ngân hàng SHB - Chi nhánh Hoàn Kiếm (trước đây là chi nhánh Thanh Quan) theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTCTL-PN/SHB.TQ ngày 08/02/2014. Hoạt động xây dựng, lắp đặt và chạy thử nhà máy sản xuất Sorbitol công suất 30.000 tấn/năm đã tạm ngừng từ cuối năm 2019 do Công ty gặp khó khăn tài chính và tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào theo tiêu chuẩn của hợp đồng tổng thầu EPC.

(*) Chi phí lãi vay được vốn hóa vào dự án trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 là 201.396.191.881 đồng.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
Phải trả bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả bên thứ ba	26.846.137.260	26.846.137.260	26.551.330.462	26.551.330.462
Công ty Cổ phần Quốc Tế Holding	783.601.940	783.601.940	783.601.940	783.601.940
Công ty TNHH VN Haco	3.871.186.668	3.871.186.668	3.871.186.668	3.871.186.668
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp khí Phú Tài Miền Nam	332.396.500	332.396.500	328.844.500	328.844.500
Công ty TNHH Exel Plastech CN - Công ty TNHH XNK	930.000.000	930.000.000	930.000.000	930.000.000
Thương mại Công nghệ Dịch vụ Hùng Duy 8 Nhà Máy	1.300.625.719	1.300.625.719	1.300.625.719	1.300.625.719
Công ty TNHH Tân Xuân	923.985.934	923.985.934	923.985.934	923.985.934
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội	4.587.718.609	4.587.718.609	4.166.340.440	4.166.340.440
Công ty Cổ phần Xử lý Phế liệu rắn Việt Nam	378.443.640	378.443.640	378.443.640	378.443.640
Công ty Cổ phần Khí hóa Công nghiệp Tây Ninh	9.842.842.127	9.842.842.127	9.895.535.527	9.895.535.527
Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.395.336.123	3.395.336.123	3.472.766.094	3.472.766.094
Cộng	26.846.137.260	26.846.137.260	26.551.330.462	26.551.330.462

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Người mua trả trước là bên liên quan	7.006.514.670	7.006.514.670
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	7.006.514.670	7.006.514.670
Người mua trả trước là bên thứ ba	4.686.549.882	4.673.074.882
Công ty Cổ phần Thương mại Imexco Việt Nam	4.660.562.382	4.660.562.382
Các Công ty khác	25.987.500	12.512.500
Cộng	11.693.064.552	11.679.589.552

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế thu nhập cá nhân	4.771.120	4.771.120
Cộng	4.771.120	4.771.120

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2024
Thuế thu nhập cá nhân	4.771.120	-	-	4.771.120
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.771.120	3.000.000	3.000.000	4.771.120

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, bán hàng trong nước 10% (năm 2024 giảm 2%). Các khoản khác theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 06 số 5088584727 ngày 24 tháng 06 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên thu nhập tính thuế. Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất đầu tư vào địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn 10% trong vòng 15 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm, giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Các Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí lãi vay	289.518.217.275	239.068.504.249
Cộng	289.518.217.275	239.068.504.249

13. Phải trả khác

13.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	-	142.953.889
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN trong đó:	4.910.369.441	4.871.893.176
+ Nợ gốc BHXH, BHYT, BHTN	3.252.372.526	3.459.813.001
+ Nợ lãi và phạt BHXH, BHYT, BHTN	1.657.996.915	1.412.080.175
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long - Bên liên quan	2.385.000.000	2.385.000.000
Các khoản khác	124.971.037	28.450.800
Cộng	7.420.340.478	7.428.297.865

13.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đồng Đô - Bên liên quan	142.000.000.000	142.000.000.000
Cộng	142.000.000.000	142.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải trả Công ty TNHH Thương Mại Tổng hợp Đồng Đô theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2019/Tanichem-ĐĐ ngày 14/01/2019, có nội dung như sau:

Tổng số liên hợp tác: 142.000.000.000 đồng.

Số dư tại ngày 31/12/2024 là 142.000.000.000 đồng.

Mục đích hợp tác: Khai thác vận hành sản xuất kinh doanh nhà máy sản xuất Sorbitol.

Phân chia kết quả hợp tác: 0,5% doanh thu chưa bao gồm VAT, cam kết kết quả không thấp hơn mức lãi, phí.

Thời hạn hợp tác 09 năm kể từ ngày 14/01/2019, có thể kết thúc sớm hơn nếu bên nhận hợp tác trả đủ vốn huy động, lãi và phí theo quy định hợp đồng.

14. Vay và nợ thuê tài chính

14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
(i) Vay ngắn hạn bên liên quan	2.998.733.455	2.998.733.455	3.779.514.134	3.779.514.134
Ông Phạm Tiến Thịnh	260.052.330	260.052.330	260.052.330	260.052.330
Ông Lô Việt Thành	17.218.169	17.218.169	21.546.084	21.546.084
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đồng Đô	2.680.000.000	2.680.000.000	2.680.000.000	2.680.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	41.462.956	41.462.956	817.915.720	817.915.720
Vay ngắn hạn bên thứ ba	56.741.609.849	56.741.609.849	48.241.609.849	48.241.609.849
(ii) Nợ dài hạn đến hạn - Xem thuyết minh số 14.2)	56.741.609.849	56.741.609.849	48.241.609.849	48.241.609.849
Cộng	59.740.343.304	59.740.343.304	52.021.123.983	52.021.123.983

(i) Khoản vay ngắn hạn của Công ty nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất dao động từ 0% đến 10%/năm. Toàn bộ các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Nợ quá hạn thanh toán là 56.741.609.849 đồng.

14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn ngắn hạn	245.253.120.830		253.753.120.830	
Ngân hàng SHB - Chi nhánh Hoàn Kiếm	301.994.730.679		301.994.730.679	
Trừ Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 14.1)	(56.741.609.849)		(48.241.609.849)	
Cộng	245.253.120.830		253.753.120.830	

Khoản vay Ngân hàng SHB- Chi nhánh Hoàn Kiếm (trước đây là chi nhánh Thanh Quan) theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTDDH-PN/SHB.TQ ngày 08 tháng 02 năm 2014, phụ lục 06/2016/PLHĐ-PN/SHB.111200 ngày 21/10/2016 và hợp đồng tín dụng số 25/2019/HĐTDDH-PN/SHB.111200 ngày 15/01/2019, giá hạn thanh toán gốc đến 2030 với nội dung như sau:

- Tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2024: 301.994.730.679 VND
- Mục đích vay: Đầu tư, xây dựng công trình nhà máy sản xuất Sorbitol công suất 30.000 tấn/năm.
- Thời hạn của hợp đồng: 10 năm kể từ lần giải ngân lần đầu, khoản nợ gốc và lãi được cơ cấu giá hạn đến năm 2030.
- Lãi suất: Theo thông báo của ngân hàng.
- Tài sản đảm bảo: Nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị nhà xưởng (Thuyết minh số V.7), tài sản là dự án nhà máy sản xuất Sorbitol (thuyết minh số V.8). Quyền sử dụng đất thuê tại Cụm Công nghiệp Tân Hội 1 (Thuyết minh số V.6.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận ĐKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính như sau:

	01/01/2024	Vay trong năm	Trả trong năm	Phân loại cuối năm	Điều chỉnh khác	31/12/2024
Vay ngắn hạn	3.779.514.134	384.661.698	1.475.827.472	-	310.385.095	2.998.733.455
Ông Phạm Tiến Thịnh	260.052.330	-	-	-	-	260.052.330
Ông Lò Việt Thành	21.546.084	37.628.480	41.956.395	-	-	17.218.169
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đông Đô	2.680.000.000	-	-	-	-	2.680.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	817.915.720	347.033.218	1.433.871.077	-	310.385.095	41.462.956
Vay dài hạn	253.753.120.83	-	-	(8.500.000.000)	-	245.253.120.830
Ngân hàng SHB - Chi nhánh Hoàn Kiếm	253.753.120.830	-	-	(8.500.000.000)	-	245.253.120.830
Nợ dài hạn đến hạn trả	48.241.609.849	-	-	8.500.000.000	-	56.741.609.849
Cộng	305.774.244.813	384.661.698	1.475.827.472	-	310.385.095	304.993.464.134

15. Vốn chủ sở hữu**15.1 Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	165.042.063.000	(95.708.662.742)	69.333.400.258
Lợi nhuận (lỗ) năm trước	-	(13.697.541.186)	(13.697.541.186)
Số dư cuối năm trước	165.042.063.000	(109.406.203.928)	55.635.859.072
Số dư đầu năm nay	165.042.063.000	(109.406.203.928)	55.635.859.072
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế trong năm	-	(3.509.692.265)	(3.509.692.265)
Số dư cuối năm nay	165.042.063.000	(112.915.896.193)	52.126.166.807

15.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Tập đoàn Hòa chất VN	7.126.203	71.262.030.000	7.126.203	71.262.030.000
Công ty CP Mía Đường Thành	3.157.920	31.579.200.000	3.157.920	31.579.200.000
Thành Công Tây Ninh	1.923.333	19.233.333.000	1.923.333	19.233.333.000
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	163.800	1.638.000.000	163.800	1.638.000.000
Công ty CP Thiết Kế CN Hòa chất	1.923.300	19.233.000.000	1.923.300	19.233.000.000
Công ty TNHH MTV 30-4 Tây Ninh	741.251	7.412.510.000	741.251	7.412.510.000
Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh	322.599	3.225.990.000	322.599	3.225.990.000
Ông Lý Ngọc Quyết	350.000	3.500.000.000	350.000	3.500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	795.800	7.958.000.000	795.800	7.958.000.000
Công ty CP Landmark Holding	16.504.206	165.042.063.000	16.504.206	165.042.063.000
Cộng	16.504.206	165.042.063.000	16.504.206	165.042.063.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15.3 Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.504.206	16.504.206
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	16.504.206	16.504.206
- Cổ phiếu phổ thông	16.504.206	16.504.206
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	16.504.206	16.504.206
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/ Cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.017.092.977	6.177.165.546
- Doanh thu bán hàng hóa	3.017.092.977	2.112.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm	-	2.634.720.450
- Doanh thu dịch vụ gia công	-	1.296.704.187
- Doanh thu khác	-	133.740.909
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	2.112.000.000
- Hàng bán bị trả lại	-	2.112.000.000
Doanh thu thuần	3.017.092.977	4.065.165.546

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	3.457.591.330	-
Giá vốn thành phẩm	-	1.672.156.655
Giá vốn khác	-	14.741.349
Cộng	3.457.591.330	1.686.898.004

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.469	123.142
Cộng	8.469	123.142

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	436.442.344	2.056.965.187
Cộng	436.442.344	2.056.965.187

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận ĐKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật tư, đồ dùng bán hàng	-	19.555.932
Chi phí khác	-	202.127.375
- Chi phí vận chuyển	-	165.091.250
- Chi phí khác	-	37.036.125
Cộng	-	221.683.307

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	33.573.488	2.869.080.217
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.617.923	1.998.087.405
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.349.163	258.619.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.626.996	184.626.996
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	5.221.972
Chi phí khác	451.855.597	1.729.709.379
- Chi phí khác	451.855.597	1.729.709.379
Cộng	725.023.167	7.045.325.261

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	257.272.727	-
Xử lý chênh lệch công nợ đối chiếu	-	505.131.840
Các khoản khác	28.193.091	78.222.000
Cộng	285.465.818	583.353.840

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản trong giai đoạn ngừng sản xuất	1.237.429.548	1.237.429.548
Chi phí khác	955.773.140	6.097.882.407
Cộng	2.193.202.688	7.335.311.955

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.509.692.265)	(13.697.541.186)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.529.293.092	8.364.809.534
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế sau điều chỉnh	(980.399.173)	(5.332.731.652)
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập sau chuyển lỗ	(980.399.173)	(5.332.731.652)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng số thuế TNDN phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

1.1 Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hòa chất VN	Cổ đông
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	Cổ đông
Quý đầu tư phát triển Tây Ninh	Cổ đông
Công ty CP Thiết Kế CN Hóa chất	Cổ đông
Công ty TNHH MTV 30-4 Tây Ninh	Cổ đông
Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh	Cổ đông
Ông Lý Ngọc Quyết	Cổ đông
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	Cổ đông
Công ty CP Landmark Holding	Cổ đông
Ông Phạm Tiến Thịnh	Thành viên chủ chốt
Ông Lò Việt Thành	Thành viên chủ chốt
Công ty TNHH TM Tổng hợp Đồng Đô	Công ty có liên quan

1.2 Nghiệp vụ với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Tiến Thịnh		
Vay tiền trong năm	-	116.300.000
Trả nợ vay trong năm	-	108.500.000

	Năm nay	Năm trước
Ông Lò Việt Thành		
Vay tiền trong năm	37.628.480	227.446.084
Trả nợ vay trong năm	41.956.395	205.900.000

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long		
Vay tiền trong năm	657.418.313	1.273.612.000
Trả nợ vay trong năm	1.433.871.077	3.835.734.510
Lãi vay phải trả	166.738.514	2.034.807.702
Lãi vay đã trả	1.010.434.094	1.095.022.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.200.960.000	12.732.500
Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	1.687.088.923	143.672.977
Bán hàng hóa dịch vụ	3.288.198.514	2.522.880.000
Thu tiền bán hàng hóa dịch vụ	3.288.198.514	4.522.880.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên chủ chốt	305.384.615	274.654.383

3. Bảo lãnh

Tại ngày 31/12/2024, Công ty đang bảo lãnh khoản vay cho Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đồng Đô tại ngân hàng TMCP SHB - CN Hoàn Kiếm (trước đây là chi nhánh Thanh Quan) số tiền là 127.500.000.000 đồng. Hiện tại, Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp-Việt đang chịu trách nhiệm chi trả cho khoản gốc và lãi phát sinh của hợp đồng vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Theo chứng nhận DKDN: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Tỉnh Tây Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2025



Phạm Minh Trường

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Phạm Tiến Thịnh

Tổng Giám đốc